TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:89/2023/DS-PT
Ngày: 03/3/2023
V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Liên Anh
Các thẩm phán: Ông Vũ Minh Hoàng
Bà Đặng Mạnh Cẩm Yến
Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Trang, Thư ký Tòa án

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội*:** Bà Nguyễn Như Quỳnh, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 329/2022/TLPT-DS ngày 6/10/2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 103/2021/DSST ngày 08/10/2021 của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 11/2023/QĐ-PT ngày 16/01/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2023/QĐPT-HPT ngày 09/02/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH Vũ Hùng Phát.

Trụ sở: Số 211 phố Giáp Nhất, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Xuân Hiền và anh Bùi Văn Linh.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Văn Ở, sinh năm 1979.
Chị Đỗ Thị Hiền, sinh năm 1986

Cùng HKTT và trú tại: Tổ 12 thôn Yên Lộ, phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Phạm Thị Minh Hương, sinh năm 1971.

Trú tại: Số nhà 36, ngách 1/34 ngõ 1 Khâm Thiên, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Do có kháng cáo của Công ty TNHH Vũ Hùng Phát là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Vũ Xuân Hiền trình bày:

Ngày 02.01.2010, Công ty TNHH Vũ Hùng Phát có kí hợp đồng lao động với bà Phạm Thị Minh Hương, công việc của bà Hương là kế toán công ty.

Ngày 9.4.2011, vợ chồng anh Đỗ Văn Ở và chị Đỗ Thị Hiền có đến Công ty hợp tác quốc tế thương mại Thăng Long (nay là Công ty TNHH Vũ Hùng Phát) ký hợp đồng thuê xe ô tô tự lái số 21/HĐTXÔTTL, thời hạn thuê là 10 ngày/đêm, giá thuê là 700.000 đồng/ngày. Xe ô tô được thuê là xe con 05 chỗ ngồi, nhãn hiệu DAEWOO, BKS 30X-8382 cấp ngày 20.01.2010. Khi thuê xe ô tô, vợ chồng anh Ở chị Hiền thế chấp 01 sổ hộ khẩu gia đình số 240587043 cấp ngày 07.10.2010 và đặt cọc 20.000.000 đồng. Tiền đặt cọc hoặc thanh toán trước 7.000.000đ.

Sau khi bàn giao xe ô tô xong, vợ chồng anh Đỗ Văn Ở và chị Đỗ Thị Hiền gặp bà Phạm Thị Minh Hương kế toán Công ty, trực tiếp ký hợp đồng vay tiền với bà Phạm Thị Minh Hương ngày 09/04/2011, với nội dung: vợ chồng anh Ở chị Hiền vay 200.000.000 đồng, thời hạn vay là 10 ngày tính từ ngày 09/4/2011 đến ngày 18/4/2011. Lãi suất 2.000 đồng/1triệu/1ngày. Lãi suất quá hạn 10.000 đồng/1triệu/1ngày. Vợ chồng anh Ở chị Hiền tự nguyện trả phí quản lý tài sản là 1.000 đồng/1triệu/1ngày. Đồng thời vợ chồng anh Ở chị Hiền ký 01 hợp đồng thế chấp tài sản với bà Phạm Thị Minh Hương ngày 09/4/2011, tài sản thế chấp chính là chiếc xe ô tô vợ chồng anh Ở chị Hiền vừa ký hợp đồng thuê xe Công ty Vũ Hùng Phát để vay 200.000.000 đồng. Cùng thời điểm này vợ chồng anh Ở chị Hiền làm một Giấy cam kết vay của bà Phạm Thị Minh Hương 200.000.000 đồng.

Cùng ngày 09.04.2011, ông Vũ Xuân Hiền, tổng giám đốc Công ty TNHH Vũ Hùng Phát cùng bà Phạm Thị Minh Hương, kế toán Công ty ký hợp đồng cầm tiền với nội dung: Bà Phạm Thị Minh Hương cầm 200.000.000 đồng của công ty để cho vợ chồng anh Đỗ Văn Ở và chị Đỗ Thị Hiền vay. Bà Hương và công ty đòi được của vợ chồng anh Đỗ Văn Ở và chị Đỗ Thị Hiền thì bà Hương phải trả lại đầy đủ cả gốc và lãi cho công ty. Bà Hương cam kết phải kết hợp cùng công ty khởi kiện để thu hồi nợ cho công ty. Hợp đồng này thay giấy ủy quyền của bà Phạm Thị Minh Hương ủy quyền cho Công ty Vũ Hùng Phát, người đại diện là ông Vũ Xuân Hiền được toàn quyền thay bà Hương làm việc với cơ quan pháp luật, để lấy lại số tiền, mà bà Hương cầm tiền của công ty cho vợ chồng anh Đỗ Văn Ở và chị Đỗ Thị Hiền vay.

Khi ký 3 hợp đồng trên, ông Hiền là người lập cả 03 văn bản và lúc đó có cả bà Hương, vợ chồng anh Đỗ Văn Ở và chị Đỗ Thị Hiền. Ông Hiền là người trực tiếp giao 200.000.000 đồng.

Khi vay công ty chưa thu của vợ chồng anh Ở chị Hiền đồng nào.

Trong quá trình vay vợ chồng anh Ở chị Hiền đã trả công ty số tiền là 28.000.000đ là tiền lãi đối với số tiền vay.

Nay, Công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng anh Ở chị Hiền phải trả cho Công ty số tiền tính đến ngày 29/7/2021 là 200.000.000 đồng tiền nợ gốc, 407.450.000 đồng tiền nợ lãi và các khoản chi phí khác là 66.008.295 đồng, tổng số 673.460.000 đồng. Tính đến ngày 08/10/2021 là 893.200.000đ.

* ***Bị đơn, vợ chồng anh Đỗ Văn Ở và chị Đỗ Thị Hiền trình bày:***

Khoảng đầu năm 2011 vợ chồng anh có ra Công ty Vũ Hùng Phát ở quận Hoàng Mai, Hà Nội để vay tiền. Hình thức vay tiền là thuê xe ô tô của công ty rồi cầm luôn ô tô cho công ty. Số tiền vợ chồng anh vay là 200.000.000đ. Anh mang về được 116.000.000đ. Số tiền 84.000.000đ thì chia ra là tiền đặt cọc xe ô tô, tiền thuê xe ô tô 10 ngày, tiền phế vay và tiền lãi 10 ngày. Cứ 10 ngày vợ chồng anh phải ra đóng tiền xe và tiền lãi là 8.000.000đ/10 ngày, tiền lãi là 12.000.000đ/10 ngày. Việc đóng duy trì cho đến cuối năm 2011 thì anh Ở bị truy tố nên không trả được. Đến năm 2015, anh được về. Đầu năm 2016, ông Hiền đi cùng luật sư Văn phòng luật sư Đồng Đội vào nhà anh và anh đã nhận trả cho ông Hiền mỗi tháng 2.000.000đ. Thời gian đầu, anh mang tiền đến Văn phòng luật sư Đồng Đội trả. Sau đó giữa ông Hiền và văn phòng luật sư xảy ra mâu thuẫn thì anh trả thẳng vào tài khoản của ông Hiền. Tổng cộng là bao nhiêu anh chị không nhớ, anh chị xuất trình tổng cộng 18 tờ gồm 02 phiếu thu chỉ ghi người nộp là Đỗ Văn Ở, 02 phiếu thu có dấu của Văn phòng luật sư Đồng Đội, 14 Giấy nộp tiền vào ngân hàng, mỗi phiếu 2.000.000đ. Tổng cộng 36.000.000đ. Đến năm 2019 thì anh không có khả năng trả nữa. Anh không nhớ trả được bao nhiêu, anh chỉ còn một số giấy tờ chứng nhận trả và xuất trình cho tòa.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, bà Phạm Thị Minh Hương*** mặc dù được tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thu thập được ý kiến, tài liệu chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 103/2021/DS-ST ngày 08/10/2021 của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Vũ Hùng Phát đối với anh Đỗ Văn Ở và chị Đỗ Thị Hiền về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Buộc anh Đỗ Văn Ở và chị Đỗ Thị Hiền phải trả cho Công ty TNHH Vũ Hùng Phát số tiền tính đến ngày 08.10.2021 là 548.735.000đ, trong đó tiền gốc là 180.000.000đ, tiền lãi là 368.735.000đ.

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày Công ty Vũ Hùng Phát có đơn yêu cầu thi hành án, anh Đỗ Văn Ở và chị Đỗ Thị Hiền hàng tháng còn phải chịu một khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm, nguyên đơn Công ty TNHH Vũ Hùng Phát kháng cáo đối với bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị HĐXX buộc anh Ở chị Hiền phải trả cho Công ty Vũ Hùng Phát số tiền là 784.575.000đ.

Bị đơn anh Đỗ Văn Ở, chị Đỗ Thị Hiền vắng mặt tại phiên tòa, HĐXX công bố lời khai của anh Ở, chị Hiền.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ kiện, đại diện VKS nhân dân Thành phố Hà Nội đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, áp dụng Khoản 2 Điều 308 BLTTDS sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 103/2021/DS-ST ngày 08/10/2021 của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội về án phí, theo hướng buộc nguyên đơn Công ty Vũ Hùng Phát phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa xét thấy:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của nguyên đơn Công ty TNHH Vũ Hùng Phát nộp trong hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo, về hình thức là hợp lệ.

Về nội dung:

Ngày 9/4/2011, vợ chồng anh Đỗ Văn Ở và chị Đỗ Thị Hiền ký hợp đồng thuê xe ô tô tự lái số 21/HĐTXÔTTL, thời hạn thuê là 10 ngày/đêm, giá thuê là 700.000 đồng/ngày với công ty Vũ Hùng Phát. Xe ô tô được thuê là xe con 05 chỗ ngồi, nhãn hiệu DAEWOO, BKS 30X-8382 cấp ngày 20/01/2010.

Cùng ngày 09/04/2011, vợ chồng anh Đỗ Văn Ở và chị Đỗ Thị Hiền ký hợp đồng vay tiền với bà Phạm Thị Minh Hương (kế toán công ty), số tiền 200.000.000 đồng. Đồng thời vợ chồng anh Ở chị Hiền ký 01 hợp đồng thế chấp tài sản với bà Phạm Thị Minh Hương ngày 09/4/2011, tài sản thế chấp chính là chiếc xe ô tô trên. Cùng thời điểm này vợ chồng anh Ở chị Hiền làm một Giấy cam kết vay của bà Phạm Thị Minh Hương 200.000.000 đồng.

Xét thấy: Chiếc xe ô tô trên do vợ chồng anh Ở và chị Hiền vừa ký hợp đồng thuê của Công ty Vũ Hùng Phát. Mục đích khi kí 02 hợp đồng trên chỉ để cho vợ chồng anh Ở và chị Hiền vay tiền của Công ty Vũ Hùng Phát. Như vậy, xe ô tô vừa thuê của của Công ty Vũ Hùng Phát, không phải là tài sản thuộc quyền sở hữu của vợ chồng anh Ở và chị Hiền. Việc xác lập giao dịch thuê xe ô tô một cách giả tạo, nhằm che giấu một giao dịch vay nợ. Nên hợp đồng thuê ô tô tự lái, hợp đồng thế chấp trên vô hiệu ngay từ thời điểm giao dịch, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

Đối với việc vay số tiền 200.000.000đ giữa vợ chồng anh Ở, chị Hiền và bà Phạm Thị Minh Hương: Nguồn gốc số tiền bà Hương giao cho vợ chồng anh Ở và chị Hiền là của Công ty Vũ Hùng Phát. Vợ chồng anh Ở và chị Hiền đã viết Giấy cam kết vay 200.000.000đ, vợ chồng anh Ở chị Hiền cho rằng chỉ nhận về 116.000.000đ. Số tiền 84.000.000đ thì chia ra là tiền đặt cọc xe ô tô, tiền thuê xe ô tô 10 ngày, tiền phế vay và tiền lãi 10 ngày. Cứ 10 ngày vợ chồng anh phải ra đóng tiền xe và tiền lãi là 8.000.000đ/10 ngày, tiền lãi là 12.000.000đ/10 ngày. Việc đóng duy trì cho đến cuối năm 2011 thì anh Ở bị truy tố nên không trả được. Tuy nhiên, đây chỉ là lời khai của bị đơn, phía nguyên đơn không thừa nhận. Anh Ở chị Hiền không có tài liệu nào chứng minh cho việc trên nên không có cơ sở để chấp nhận. Đến năm 2016, vợ chồng anh Ở và chị Hiền khai tiếp tục trả nhiều lần, mỗi lần 2.000.000đ. Tuy nhiên,

anh chị không nhớ đã trả tổng cộng là bao nhiêu tiền. Anh chị chỉ xuất trình được 18 tờ gồm 02 phiếu thu chỉ ghi người nộp là Đỗ Văn Ở, 02 phiếu thu có dấu của Văn phòng luật sư Đồng Đội, 14 Giấy nộp tiền vào ngân hàng, mỗi giấy 2.000.000đ. Tổng cộng 36.000.000đ. Nhận thấy: Đối với 02 phiếu thu chỉ ghi người nộp là Đỗ Văn Ở, mỗi phiếu 2.000.000đ không có căn cứ để xác định đây là tiền mà vợ chồng anh Ở, chị Hiền trả cho Công ty Vũ Hùng Phát nên không chấp nhận. 02 phiếu thu có dấu của Văn phòng luật sư Đồng Đội chỉ ghi người nộp là anh Đỗ Văn Ở, nội dung không ghi rõ là trả cho bên nào nhận. Phía nguyên đơn không chấp nhận phiếu này, phía bị đơn không có căn cứ chứng minh nên cũng không được chấp nhận. Còn lại 14 Giấy nộp tiền, mỗi giấy 2.000.000đ, tổng cộng là 28.000.000đ, phía nguyên đơn thừa nhận nên được chấp nhận. Phía nguyên đơn cho rằng đây là tiền lãi bị đơn trả, bị đơn không có tài liệu chứng minh nào khác nên xét thấy cần chấp nhận đây là số tiền lãi mà bị đơn trả cho nguyên đơn.

Phía nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh Đỗ Văn Ở và chị Đỗ Thị Hiền phải trả cho Công ty tính đến ngày 29/7/2021 là 200.000.000 đồng tiền nợ gốc, 407.450.000 đồng tiền nợ lãi và các khoản chi phí khác là 66.008.295 đồng, tổng số 673.460.000 đồng. Tính đến ngày 08/10/2021 là **893.200.000đ.**

Tuy nhiên, phía công ty cũng đã thừa nhận việc có kí hợp đồng thuê xe, bên thuê xe là anh Ở và chị Hiền đã đặt cọc 20.000.000đ. Bản án sơ thẩm xác định tiền gốc anh Ở và chị Hiền vay của công ty hiện còn là: 200.000.000đ – 20.000.000đ = 180.000.000đ là có căn cứ.

Đối với tiền lãi mà công ty yêu cầu anh Ở và chị Hiền trả, bản án sơ thẩm chấp nhận việc chia thời điểm tính lãi như nguyên đơn yêu cầu. Cụ thể:

Giai đoạn 1: Từ ngày 09.04.2011 đến 31.12.2016 (ngày Bộ luật dân sự 2005 hết hiệu lực) là 5 năm 8 tháng 22 ngày. Căn cứ Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 lãi suất tính là 9%/năm, lãi quá hạn 150%/năm = 4,5%/năm. Tổng là 13,5%/năm. Tổng là 180.000.000đ x 5 năm 8 tháng 22 ngày x 13,5%/năm = 139.185.000đ.

Giai đoạn 2: từ ngày 01.01.2017 (ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực) đến 08.10.2021 là 4 năm 9 tháng 7 ngày. Căn cứ khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự lãi suất tính là 20%/năm, lãi quá hạn 150%/năm = 10%/năm. Tổng là 30%/năm. Tổng là 180.000.000đ x 4 năm 9 tháng 7 ngày x 30%/năm = 257.550.000đ.

Tổng số tiền lãi phải trả là 139.185.000đ + 257.550.000đ = 396.735.000đ.

Nhận thấy, hợp đồng vay tài sản giữa anh Ở chị Hiền với Công ty Vũ Hùng Phát được ký kết ngày 09/04/2011. Hợp đồng đang được thực hiện, các bên chưa thực hiện xong quyền và nghĩa vụ theo thỏa thuận và các quyền, nghĩa vụ khác phát sinh từ hợp đồng mà pháp luật có quy định. *Theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP hướng dẫn quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm* lãi suất các bên thỏa thuận 2.000 đồng/1triệu/1ngày; lãi suất quá hạn 10.000 đồng/1triệu/1ngày không phù hợp với quy định của BLDS 2015 thì áp dụng quy định của BLDS 2005, Nghị

quyết số 45/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật dân sự và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng quy định BLDS năm 2005 để giải quyết.

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP hướng dẫn quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm: *Hợp đồng vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì lãi và lãi suất được xác định như sau:*

a, Lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả theo lãi suất thỏa thuận nhưng không vượt quá 150% lãi suất cơ bản do ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm xác lập hợp đồngtương ứng với thời gian vay chưa trả lãi

b, Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả theo lãi suất cơ bản do ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả.

Đối chiếu với quy định trên thì cách tính lãi suất của bản án sơ thẩm là chưa phù hợp. Tuy nhiên, bị đơn anh Ở chị Hiền không kháng cáo bản án sơ thẩm. Nguyên đơn Công ty Vũ Hùng Phát kháng cáo đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm buộc anh Ở chị Hiền phả thanh toán số tiền gốc lãi là 784.575.000 đồng là không có căn cứ.

Vậy, tổng số tiền gốc và lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn đến ngày 08.10.2021 là: 180.000.000đ + 396.735.000đ = 576.735.000đ.

Trừ đi số tiền 28.000.000đ bị đơn đã trả. Số tiền bị đơn phải trả là: 576.735.000đ – 28.000.000đ = 548.735.000đ.

Bản án sơ thẩm bác yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả cho các khoản chi phí khác là 66.008.295 đồng là đúng quy định.

Buộc công ty TNHH Vũ Hùng Phát phải trả cho anh Đỗ Văn Ở và chị Đỗ Thị Hiền 01 sổ hộ khẩu gia đình số 240587043 cấp ngày 07.10.2010.

Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Đỗ Văn Ở và chị Đỗ Thị Hiền phải chịu 25.949.400đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán 784.575.000 đồng, nguyên đơn được chấp nhận số tiền 548.735.000đ do đó phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận là 784.575.000đ - 548.735.000đ = 235.840.000đ, án phí phải chịu là 11.792.000đ. Đối trừ vào số tiền 16.779.160đ tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0009283 ngày 23/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hà Đông. Công ty TNHH Vũ Hùng Phát được nhận lại số tiền 4.987.160đ. Bản án sơ thẩm buộc nguyên đơn Công ty Vũ Hùng Phát phải chịu 3.300.415đ án phí dân sự sơ thẩm là chưa chính xác, cần sửa án phí dân sự sơ thẩm như phân tích trên.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nguyên đơn Công ty Vũ Hùng Phát không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại dự phí đã nộp.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của HĐXX.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Công ty Vũ Hùng Phát.

Vì các lẽ trên, áp dụng Khoản 2 Điều 308 BLTTDS sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 103/2021/DS-ST ngày 08/10/2021 của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 342, 127, 129, 137, 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Vũ Hùng Phát đối với anh Đỗ Văn Ở và chị Đỗ Thị Hiền về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Buộc anh Đỗ Văn Ở và chị Đỗ Thị Hiền phải trả cho Công ty TNHH Vũ Hùng Phát số tiền tính đến ngày 08.10.2021 là 548.735.000đ, trong đó tiền gốc là 180.000.000đ, tiền lãi là 368.735.000đ.

3. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH Vũ Hùng Phát buộc anh Đỗ Văn Ở và chị Đỗ Thị Hiền phải trả các khoản chi phí khác là 66.008.295 đồng.

4. Buộc công ty TNHH Vũ Hùng Phát phải trả cho anh Đỗ Văn Ở và chị Đỗ Thị Hiền 01 sổ hộ khẩu gia đình số 240587043 cấp ngày 07.10.2010.

Về án phí:

Án phí dân sự phúc thẩm:

Công ty Vũ Hùng Phát không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại 300.000 đồng dự phí kháng cáo đã nộp tại Biên lai thu số 0009408 ngày 02/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hà Đông .

Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn anh Đỗ Văn Ở và chị Đỗ Thị Hiền phải chịu 25.949.400đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty TNHH Vũ Hùng Phát phải chịu 11.792.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, đối trừ vào số tiền 16.779.160đ tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0009283 ngày 23/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hà Đông. Công ty TNHH Vũ Hùng Phát được nhận lại số tiền 4.987.160đ.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi

hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *VKSNDTP Hà Nội;*
- *TAND quận Hà Đông;*
- *Chi cục THADS quận Hà Đông;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu văn phòng;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Trần Thị Liên Anh